

Bản án số: 10/2020/HNGĐ-ST

Ngày 14-7-2020

V/v không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hải Đăng

2. Ông Lục Viết Sang.

Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Hoa, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa, Kiểm sát viên.

Ngày 14-7-2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2020/TLST-HNGĐ ngày 26-6-2020 về việc: “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐST- HNGĐ, ngày 30-6-2020 giữa các đương sự:

+ Ng đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ, thị trấn P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

+ Bị đơn: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1974 (có mặt).

Địa chỉ : Thôn Đ, thị trấn P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Y do bà Vũ Thị Ngọc L, chức vụ - Phó giám đốc Ngân hàng đại diện theo văn bản ủy quyền số 03/GUQ-NHCS ngày 14/7/2020. (có mặt)

Trụ sở: Phố C, thị trấn P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai chị Nguyễn Thị D trình bày: Chị và anh S có được tự do tìm hiểu rồi về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995, nhưng không đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương theo quy định của pháp luật, mà chỉ tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Quá trình chung sống thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2016 xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh S không tu trí làm ăn, không quan tâm tới vợ con và gia đình. Đến năm 2017 mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng chị đã làm đơn ra tòa xin ly hôn anh S, sau đó anh S đã xin lỗi, hứa sửa chữa nên chị đã rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ nhưng đến nay anh S vẫn chứng nào tật đấy không thay đổi, thường xuyên chửi bới, xúc phạm chị. Vợ chồng chị đã

sống ly thân từ 2018 đến nay. Nay tình cảm giữa chị và anh S không còn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh S.

- Về con chung: Vợ chồng chị có 2 con chung là Nguyễn Thị D1, sinh năm 1996 và Nguyễn Văn P, sinh ngày 02/11/1999, hiện nay con chung đã trưởng thành chị không yêu cầu giải quyết về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản vợ chồng chị tự chia, chị không yêu cầu giải quyết.

- Về vay nợ: Ngày 28/02/2016 vợ chồng chị có vay Ngân hàng chính sách xã hội huyện Y số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng tiền). lãi trả đã trả đến tháng 5/2020. Nay ly hôn chị yêu cầu anh S có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền trên. Ngoài ra vợ chồng không nợ ai và không cho ai vay nợ.

Tại bản khai của anh Nguyễn Văn S trình bày: Anh và chị D kết hôn vào ngày 14/12/1995, có tổ chức cưới theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới chị D về nhà anh làm dâu ngay, tình cảm vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2018 thì mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách không hợp nhau, mỗi người một quan điểm vì vậy vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau và sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị D xin yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ giữa chị và anh là vợ chồng anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng anh có 2 con chung như chị D trình bày là đúng. Hiện nay các con chung đã trưởng thành anh không yêu cầu giải quyết về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản, ruộng canh tác anh S không yêu cầu giải quyết.

- Về vay nợ: Như chị D trình bày là đúng: Ngày 28/02/2016 vợ chồng anh có vay Ngân hàng chính sách xã hội huyện Y số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng tiền). lãi trả đến ngày 18/5/2020. Nay ly hôn anh tự nguyện xin chịu trách nhiệm trả toàn bộ số tiền trên cho Ngân hàng. Ngoài ra vợ chồng không nợ ai và không cho ai vay nợ

* Ý kiến trình bày của Ngân hàng chính sách xã hội huyện Y. Ngày 28/02/2016 vợ chồng chị D, anh S có vay của Ngân hàng chính sách xã hội huyện Y số tiền gốc là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) người đứng tên vay là chị D, chị D, anh S đã trả lãi đến ngày 18/5/2020, nay ly hôn chị D, anh S thống nhất giao cho anh S có trách nhiệm trả ngân hàng toàn bộ số tiền gốc và lãi phát sinh trên anh cũng nhất trí.

+ *Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và của HĐXX tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Việc tuân theo pháp luật của ng đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Chị D, anh S có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương.

Căn cứ vào điểm b khoản 3, nghị quyết số 35/2000/NQ-QH 10, ngày 9/6/2000 của Quốc hội quy định nên hôn nhân của chị D, anh S không được pháp luật công nhận. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cả chị D, anh S đều nhất trí ly hôn nên chấp nhận đơn khởi kiện của chị D. Xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị D và anh S.

Về con chung, tài sản: Chị D và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về công nợ: Giao cho anh S có trách nhiệm trả Ngân hàng chính sách xã hội huyện Y số tiền gốc là 30.000.000đ và trả lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kết với Ngân hàng cho đến khi trả xong nợ.

Về án phí: Chị D phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về Tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện, tài liệu kèm theo đơn của chị Nguyễn Thị D và các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Xác định đây là vụ kiện “không công nhận quan hệ vợ chồng”.

Bị đơn anh Nguyễn Văn S có địa chỉ thôn Đ, thị trấn P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế theo quy định tại khoản 8 điều 28; điểm a, khoản 1 điều 35; điểm a, khoản 1 điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị D, anh S chung sống với nhau từ tháng 12/ 1995 nhưng không đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương do vậy đây là hôn nhân không hợp pháp vi phạm điều 9 luật hôn nhân gia đình, quá trình chung sống tình cảm vợ chồng thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách không hợp nhau, mỗi người một quan nên vợ chồng thường xuyên xảy ra bất đồng cãi chửi, đánh nhau. Vợ chồng sống ly thân từ 2018 đến nay, nay tình cảm vợ chồng không còn, chị D yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh S. Xét thấy chị D, anh S quá trình chung sống thường xảy ra bất đồng cãi chửi nhau, không quan tâm chăm sóc đến nhau anh, chị sống ly thân thời gian đã dài. Nay chị D xin ly hôn phía anh S cũng đồng ý. Xong do chị D, anh S chung sống với nhau không đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị không được pháp luật công nhận. Căn cứ vào khoản 3, điểm b, nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn S.

[3] Về con chung, tài sản: Chị D, anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về công nợ: Chị D, anh S và đại diện của ngân hàng chính sách xã hội huyện Yên Thế thống nhất thỏa thuận anh S có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số

tiền gốc là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) và trả lãi xuất phát sinh cho đến khi trả xong nợ. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[5] Về án phí: Chị D phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật: Áp dụng khoản 8, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; Điều 39; điểm b, khoản 2 điều 227; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1, Điều 14 của Luật hôn nhân gia đình; Điểm b, khoản 3 của Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10, ngày 09-6-2010 của Quốc hội; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

2. Về quan hệ vợ chồng: Xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn S.

3. Về nghĩa vụ trả nợ: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Giao cho anh Nguyễn Văn S có trách nhiệm trả cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện Y số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) và trả lãi phát sinh cho đến khi trả xong nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng.

4. Về con chung, các con đã trưởng thành chị D, anh S không yêu cầu giải quyết.

5. Về tài sản, ruộng canh tác: chị D, anh S tự phân chia, Tòa án không xem xét giải quyết.

6. Về tiền án phí: chị D phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0002377, ngày 26/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang. xác nhận chị D đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày t án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- VKSND Tỉnh Bắc giang;
- Chi cục THADS huyện Yên Thế;
- UBND nơi đăng ký kết hôn.
- Các đương sự.
- Lưu HS.
- Công thông tin điện tử Tòa án tối cao

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Vân Anh